

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2025/HC-PT

Ngày 11 - 3 - 2025

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Ông Trần Ngọc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 850/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 259/2024/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 464/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Trang Văn S

Địa chỉ: Nhà số 148 đường N, Khu phố x, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: Số 168 đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố T, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Bà Bùi Thị Hồng H, chức vụ: Phó Trưởng ban - Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T, vắng mặt

Bà Phan Thị Minh L, chức vụ: Trưởng phòng tiếp dân - Ban Bồi thường,

giải phóng mặt bằng thành phố T, có mặt.

Ông Trần Khắc T, chức vụ: Nhân viên - Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 164 đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Nguyệt N (vợ của Ông Trang Văn S)

Địa chỉ: Nhà số 148 đường N, Khu phố x, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trang Văn S, người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện Ông Trang Văn S trình bày:

Vợ chồng Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N là chủ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 148 đường N, Khu phố x, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn nhà của vợ chồng Ông S, bà N có diện tích khuôn viên 58 m². Theo Giấy xác nhận pháp lý số 20/UBND-XN ngày 06/4/2016 của UBND phường An Phú, thành phố Thủ Đức xác nhận đã đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Để thực hiện Dự án xây dựng bờ kè chống sạt lở khu vực cầu Giồng Ông Tố, UBND Quận X (cũ) đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 2991/QĐ-UBND-TNMT ngày 16/9/2020, thu hồi một phần nhà đất của vợ chồng ông; tiếp đó ban hành Quyết định bồi thường số 4073/QĐ-UBND ngày 09/12/2020, bồi thường cho gia đình ông với số tiền là 845.885.572 đồng, nhưng tạm ngưng chi trả tiền với lý do có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q.

Ông không đồng ý nên đã khiếu nại và khởi kiện UBND thành phố T (là pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND Quận X cũ). Trước ngày đưa vụ án ra xét xử thì ngày 20/9/2023 UBND thành phố T đã chi trả tiền bồi thường cho ông. Do đó Tòa án yêu cầu ông phải rút đơn khởi kiện với lý do bị đơn đã chấm dứt hành vi bị kiện. Ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1817/2023/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 18/10/2023, ông gửi đơn đến UBND thành phố T, khiếu nại hành vi không thanh toán tiền lãi chậm trả do chậm chi tiền bồi thường. UBND thành phố T có Thư trả lời đơn khiếu nại số 3134/BBT ngày 10/11/2023 nhưng không gửi đến ông. Ông tự tìm nên chỉ có bản photocopy. Qua nội dung thư trả lời, ông nhận thấy: khi xem xét trường hợp của ông, UBND thành phố T đã bỏ qua một yếu tố quan trọng bao quát nhất đó là Quyết định bồi thường số 4073/QĐ-UBND đã ban hành ngày 09/12/2020. Căn cứ Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật thì để ngưng thi hành Quyết định số 4073 nêu trên phải có văn bản ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền. UBND thành phố T không có văn bản này, ông Nguyễn Tấn Q không có thẩm quyền ngăn chặn. UBND thành phố T cho rằng vụ án tranh chấp tài sản thừa kế số 179/1996/DS-ST của ông Q có liên quan đến phần đất ông sử dụng nhưng không nêu ra được chỗ liên quan gì kèm theo diễn giải pháp lý. Vì vậy, ông cho rằng UBND thành phố T ngưng chi trả tiền bồi thường cho ông là không đúng quy định pháp luật, yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi chậm trả do chậm chi tiền bồi thường của ông là có cơ sở.

Với nội dung sự việc như đã nêu trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi không thanh toán tiền lãi chậm trả của UBND thành phố T là trái quy định pháp luật;

- Buộc UBND thành phố T thanh toán số tiền lãi chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 cho ông là 270.260.440 đồng.

Tại Văn bản số 44438/UBND-BBT ngày 27 tháng 5 năm 2024, người bị kiện là UBND thành phố T trình bày ý kiến như sau (tóm tắt):

Theo “Giấy xác nhận tình trạng pháp lý nhà, đất số 20/UBND-XN ngày 06/4/2016 của UBND phường An Phú, thành phố Thủ Đức, đối với nhà, đất của ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N thì:

“Phần đất giải tỏa tại vị trí 148 đường Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, phường An Phú, Quận 2 thuộc một phần thửa số 499, sông, tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 39, 40, 3S, sông, tờ bản đồ số 76 (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2002) thuộc dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, phường An Phú, Quận 2. Tổng diện tích khuôn viên: 58,0 m²; diện tích giải tỏa: 34,7 m²; diện tích sàn xây dựng: 33,5 m². Mức độ giải tỏa: Một phần.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Một phần diện tích giải tỏa 17,0 m² (thuộc một phần thửa 40 theo tài liệu đo đạc năm 2003) có nguồn gốc thuộc khuôn viên căn nhà do ông (bà) Trang Giáp, Nguyễn Thị Việt sử dụng để ở ổn định, đến trước năm 1993 cho lại con là Ông Trang Văn S, Trần Nguyệt N sử dụng để ở (theo kê khai 3376 có thể hiện, Phiếu yêu cầu xác minh về tình trạng cư trú ngày 01/10/2014, có xác nhận của Công an phường An Phú ngày 26/10/2014). Sau năm 1999, trước ngày 01/7/2004, ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N sửa chữa, xây dựng lại căn nhà thuộc ô số 5 (theo bản vẽ hiện trạng bồi thường).

Phần diện tích 11,6 m² (thuộc thửa 3S-1) do ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N chiếm dụng sông Giồng Ông Tố và xây dựng nhà ở sau năm 1993, trước năm 2004, ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N sửa chữa lại căn nhà; đồng thời, lấn chiếm thêm một phần sông Giồng Ông Tố diện tích 3,7 m² và một phần đất đã bồi thường cho bà Đỗ Thị A là 2,4 m² (thuộc ô số 4, một phần ô số 6) và xây dựng, sửa chữa lại nhà thuộc ô số 6 theo bản vẽ hiện trạng, bị Ủy ban nhân dân phường An Phú xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 21/12/2006, Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 23/01/2007 về áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa thực hiện cưỡng chế.

Về tranh chấp, khiếu nại: có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q”.

Ngày 09/02/2020, UBND Quận X ban hành Quyết định số 4073/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông (bà) Trang Văn S – Trần Nguyệt N với tổng số tiền 845.885.572 đồng (*Theo đó, về đất tính 17m² đất ở chuyển mục đích sử dụng trước ngày 15/10/1993; 11,60m² đất có nguồn gốc chiếm dụng sông Giồng Ông Tố sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; phần diện tích 3,70m² chiếm dụng sông Giồng Ông Tố sử dụng sau ngày 01/7/2006 không bồi thường, hỗ trợ*). Về tái định cư: Không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 22/01/2021, UBND phường An Phú tổ chức công bố Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 09/02/2020 của UBND Quận X và các văn bản có liên quan cho Ông Trang Văn S.

Ngày 07/01/2022, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức đã gửi toàn bộ số tiền nêu trên vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước thành phố Thủ Đức theo quy định.

Ngày 01/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3458/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N.

Không đồng ý, Ông Trang Văn S gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khiếu kiện hành vi hành chính của UBND Quận X về việc không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố trên địa bàn Quận 2 và đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 255/TB-TLVA ngày 25/10/2022.

Ngày 20/9/2023, ông (bà) Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N đã nhận toàn bộ số tiền nêu trên tại Phòng giao dịch An Khánh, Chi nhánh Thủ Thiêm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1817/2023/QĐST-HC về đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện là Ông Trang Văn S và người bị kiện là UBND thành phố T; lý do: Ông Trang Văn S có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* Ý kiến của UBND thành phố T:

1/ Về căn cứ pháp lý áp dụng chính sách đối với người dân có nhà, đất nằm trong phạm vi dự án:

- Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố trên địa bàn Quận 2.

- Công văn số 6368/UBND-ĐTMT ngày 07/12/2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận địa điểm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố tại phường An Phú và phường Bình Trưng Tây, Quận 2.

- Công văn số 6154/UBND-ĐTMT ngày 19/11/2013 của UBND Thành phố

Hồ Chí Minh về điều chỉnh ranh, diện tích của dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, Quận 2.

- Công văn số 5477/UBND-ĐTMT ngày 11/9/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép tiếp tục thực hiện dự án công trình công ích trên địa bàn quận 2.

- Quyết định số 3075/QĐ-SGTVT ngày 05/10/2010 của Sở Giao thông Vận tải về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, Quận 2.

- Quyết định số 5779/QĐ-SGTVT ngày 12/10/2018 của Sở Giao thông Vận tải về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, Quận 2.

- Quyết định số 2991/QĐ-UBND-TNMT ngày 16/9/2020 của UBND Quận X về thu hồi đất của Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố, Quận 2.

- Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND Quận X về phê duyệt Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố tại phường An Phú và phường Bình Trưng Tây, Quận 2 (Chính sách số 238/CSBT-HĐBT ngày 16/9/2020 của Hội đồng bồi thường dự án).

- Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND Quận X về phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố tại phường An Phú, phường Bình Trưng Tây, Quận 2 (Phương án số 239/CSBT-HĐBT ngày 16/9/2020 của Hội đồng bồi thường dự án).

2/ Đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Việc Ông Trang Văn S khởi kiện yêu cầu UBND thành phố T thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 với tổng số tiền 270.260.440 đồng là không có cơ sở, bởi:

Ngày 06/4/2016, UBND phường An Phú có “Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý số 20/UBND-XN” về xác nhận nguồn gốc nhà, đất của Ông Trang Văn S và bà Trần Nguyệt N; theo đó xác định: *“Về tranh chấp, khiếu nại có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q”*.

Ngày 09/12/2020, UBND Quận X ban hành Quyết định số 4073/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với nhà, đất tại số 148 Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, phường An Phú, Quận 2 cho Ông Trang Văn S và bà Trần Nguyệt N với tổng số tiền: 845.885.572 đồng.

Qua kiểm tra tài liệu chứng cứ mà ông Nguyễn Tấn Q cung cấp, được biết Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 179/1996/DSST ngày 01/10/1996 về *“Tranh chấp thừa kế”* giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Q và bị đơn là ông Võ Tấn N1, bà Lê Thị N2 liên quan đến khuôn viên nhà, đất tại số 151 ấp An Phú, xã An Phú, huyện Thủ Đức (cũ), nay là phường An Phú, thành phố Thủ Đức, trong đó có phần nhà, đất tại địa chỉ 148 Nguyễn Thị Định của Ông Trang Văn S và một số hộ dân khác. ông Nguyễn Tấn

Q cung cấp hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- Công văn số 634/TDS ngày 05/10/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, gửi Phòng Công chứng, UBND huyện Thủ Đức, UBND xã An Phú về không chứng nhận, không cho phép chuyển dịch quyền sở hữu, sử dụng, cầm cố, thế chấp nhà và đất khuôn viên tại số 151 ấp An Phú, xã An Phú, huyện Thủ Đức.

- Công văn số 2586/TDS ngày 30/11/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, gửi UBND Quận X, UBND phường An Phú, Công an phường An Phú về việc không cho, không chứng nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ số 151 Nguyễn Thị Định, phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 1880/TDS ngày 29/6/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, gửi các ông Võ Thành N, Võ Quan N, các đương sự; trong đó có nội dung *“Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Q và của các nguyên đơn khác, cùng biên bản đối chất ngày 22/6/2005, thì các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế di sản của cha các nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Kinh (chết năm 1950), gồm căn nhà số 151, 2 nhà máy xay lúa, 2 dãy phố cho thuê và đất khuôn viên là 4.320m²....”*.

Bản tự khai của ông Nguyễn Tấn Q ngày 06/6/2007, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có thể hiện *“phố có sẵn 6 căn” (là vị trí nhà đất 04 hộ Ông Trang Văn S, địa chỉ 148 Nguyễn Thị Định; hộ ông Nguyễn Huỳnh Quang (đại diện đứng tên hồ sơ bà Huỳnh Thị Năm đã chết), địa chỉ 149 Nguyễn Thị Định; hộ bà Võ Thị Hai, địa chỉ 150 Nguyễn Thị Định; hộ bà Quan Xiêu Dính, địa chỉ 150A Nguyễn Thị Định)*”.

Như vậy, theo nội dung xác nhận pháp lý nhà đất số 20/UBND-XN ngày 06/4/2016 của UBND phường An Phú và hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm số 179/1996/DSST ngày 01/10/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì nhà, đất tại địa chỉ số 148 Nguyễn Thị Định của Ông Trang Văn S và một số hộ dân khác có liên quan đến việc tranh chấp, ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q trong khu đất tại số 151 ấp An Phú, xã An Phú, huyện Thủ Đức nay là phường An Phú, thành phố Thủ Đức. Đồng thời, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các Công văn số 634/TDS ngày 05/10/1996; Công văn số 2586/TDS ngày 30/11/2001 và Công văn số 1880/TDS ngày 29/6/2005 về không chứng nhận, không cho phép chuyển dịch quyền sở hữu, sử dụng, cầm cố, thế chấp nhà và đất khuôn viên tại số 151 ấp An Phú, xã An Phú, huyện Thủ Đức.

Do đó, UBND thành phố T ngưng việc chi trả tiền bồi thường cho Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N, gửi số tiền nêu trên và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chờ kết quả giải quyết tranh chấp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là đúng theo các quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Điều 42 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và điểm 2, Phần C, Chính sách (Phương án) số 238/CSBT-TT-HĐBT ngày 16/9/2020 của Hội đồng Bồi thường dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố.

Đồng thời, để đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc giải quyết hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cũng như chi trả tiền cho Ông Trang Văn S và bà Trần Nguyệt N. Ngày 08/11/2021, UBND thành phố T có Văn bản số 6803/UBND-BBT gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử, để Hội đồng bồi thường dự án thực hiện chi trả tiền và thu hồi mặt bằng theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, UBND thành phố T không nhận được văn bản trả lời của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề trên.

Ngày 25/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 255/TB-TLVA về thụ lý vụ án khiếu kiện hành vi hành chính về việc không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giữa người khởi kiện là Ông Trang Văn S và người bị kiện là UBND thành phố T.

Ngày 04/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phía người bị kiện (có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp) tiếp cận chứng cứ mà Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thu thập từ hồ sơ vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Q và bị đơn là ông Võ Tấn N1, bà Lê Thị N2, gồm:

- Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 705/2013/QĐTĐC-DS-ST ngày 26/9/2013 với nội dung: “*Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/1997/DS-ST ngày 30/6/1997 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Q và bị đơn là ông Võ Thành Nhân và ông Võ Quang Nhựt*”.

- Đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2023 của ông Nguyễn Tuấn Phương Khanh (là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn Q), có nội dung:

“*Tôi tên: Nguyễn Tuấn Phương Khanh, sinh năm 1971, Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 179/1996/DSST ngày 02/10/1996 về tranh chấp thừa kế.*”

1. Tôi xin rút lại các yêu cầu sau:

1.1. Rút lại đơn bổ sung yêu cầu ngày 02/11/2010 của ông Nguyễn Tấn Q: *Yêu cầu các hộ dân lấn chiếm nhà, đất bất hợp pháp phải trả lại nhà, đất cho chúng tôi...*”.

Cùng ngày 04/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 8619/TB-TA về yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ với nội dung:

“*Tại phiên tòa ngày 04/7/2023, Hội đồng xét xử đã công bố tài liệu chứng cứ được thu thập từ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/1997/DS-ST ngày 30/6/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có tài liệu:*

- Đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2023 của ông Nguyễn Tuấn Phương Khanh (người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Tấn Q).

- Đơn bổ sung yêu cầu ngày 02/11/2010 của ông Nguyễn Tấn Q.

Theo hai nội dung văn bản này, nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn Q đã rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế đối với khu đất mà ông Quốc cho rằng các hộ dân lấn chiếm trong đó có hộ Ông Trang Văn S. Để có cơ sở giải quyết vụ án,

Tòa án yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có văn bản ý kiến đối với các tài liệu nêu trên và kết quả giải quyết việc chi tiền bồi thường cho Ông Trang Văn S sau khi xem xét các tài liệu... ”.

Trên cơ sở chứng cứ thu thập được tại phiên tòa ngày 04/7/2023, nhận thấy Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 705/2013/QĐTĐC-DS-ST ngày 26/9/2013 là đối với vụ án dân sự sơ thẩm số 79/1997/DS-ST ngày 30/6/1997 không phải vụ án dân sự sơ thẩm số 179/1996/DSST ngày 02/10/1996. Tuy nhiên, Đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2023 của ông Nguyễn Tuấn Phương Khanh (người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Tấn Q) là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 179/1996/DSST ngày 02/10/1996 nên cần phải mời ông Nguyễn Tấn Q đến xác minh, làm rõ.

Do đó ngày 12/7/2023 và ngày 24/7/2023, UBND phường An Phú phối hợp với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức làm việc với ông Nguyễn Tấn Q và ông Nguyễn Tuấn Phương Khanh (đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Tấn Q) liên quan đến Đơn đề nghị ngăn chặn không chi tiền bồi thường đối với các hộ ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N, Nguyễn Huỳnh Quang, Võ Thị Hai và Quan Xiêu Dính trong dự án Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố. Qua làm việc, ông Nguyễn Tấn Q đồng ý rút toàn bộ các đơn ngăn chặn việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ đã gửi trước đây đến các cơ quan chức năng và chấp thuận việc UBND thành phố T thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân nêu trên để thu hồi mặt bằng thực hiện dự án, cam kết không khiếu nại.

Ngày 26/7/2023, UBND phường An Phú có Công văn số 498/UBND về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân trong dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố trên địa bàn phường An Phú.

Theo đó, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức lập thủ tục chi trả toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 845.885.572 đồng theo Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND Quận X cho ông (bà) Trang Văn S, Trần Nguyệt N theo quy định. Ngày 20/9/2023, Ông S và bà N đã nhận toàn bộ số tiền nêu trên tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thủ Thiêm – Phòng giao dịch An Khánh.

Từ những cơ sở pháp lý đã viện dẫn nêu trên, UBND thành phố T nhận thấy: Việc UBND thành phố T thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, đất giải tỏa của Ông Trang Văn S và bà Trần Nguyệt N là đúng theo trình tự, thủ tục và chính sách quy định. Việc chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là do có đơn ngăn chặn, tranh chấp của ông Nguyễn Tấn Q và sự việc đang được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết tại vụ án dân sự sơ thẩm số 179/1996/DSST ngày 01/10/1996. Do đó, không có việc chậm trễ hay không thực hiện chi trả tiền bồi thường để phải thực hiện bồi thường chậm (tính lãi suất chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023) như yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt N: thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn S, đề nghị Tòa án chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của Ông S.

Tại Bản án số 259/2024/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn S. Cụ thể:

1.1. Bác yêu cầu tuyên bố hành vi không thanh toán tiền chậm trả của Ủy ban nhân dân thành phố T là trái quy định pháp luật;

1.2. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thanh toán số tiền chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng.

...

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo cho các bên đương sự quyền kháng cáo bản án sơ thẩm).

Ngày 09/7/2024, Ông Trang Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố hành vi không thanh toán tiền lãi chậm trả của UBND thành phố T là trái quy định pháp luật, đồng thời buộc UBND thành phố T phải thanh toán cho ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trang Văn S không rút đơn khởi kiện, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn S là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của Ông Trang Văn S được làm trong thời hạn luật định và phù hợp về hình thức nên là cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

[2]. Ông S khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố việc không trả tiền lãi chậm trả do chậm chi trả tiền bồi thường khi thu hồi đất của UBND thành phố T là hành vi hành chính trái pháp luật, đồng thời buộc UBND thành phố T phải thanh toán cho gia đình ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án đã xác

định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng, đúng đối tượng khởi kiện và vụ án còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp với các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[4]. Xét kháng cáo của Ông Trang Văn S:

[4.1]. Ngày 16/9/2020, UBND Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 2991/QĐ-UBND-TNMT về thu hồi phần đất có diện tích 34,7 m² của Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N để thực hiện “Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ sông khu vực cầu Giồng Ông Tố tại phường An Phú và phường Bình Trưng Tây, Quận 2”. Ngày 09/12/2020, UBND Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 4073/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N số tiền 845.885.572 đồng. Ông S, bà N không khiếu kiện đối với các quyết định hành chính về thu hồi đất và về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, mà chỉ khiếu nại, khởi kiện đối với hành vi hành chính là không trả tiền lãi chậm trả do chậm chi trả tiền bồi thường khi thu hồi đất, từ đó đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố T phải thanh toán cho gia đình ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng.

[4.2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập hiện có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

- Tại “Giấy xác nhận tình trạng pháp lý nhà, đất số 20/UBND-XN” ngày 06/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường An Phú đối với nhà, đất của Ông Trang Văn S, bà Trần Nguyệt N có nội dung: “*Về tranh chấp, khiếu nại: có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q*”;

- Tại Công văn số 634/TDS ngày 05/10/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh gửi các Phòng Công chứng, UBND huyện Thủ Đức (cũ), UBND xã An Phú (cũ), liên quan đến vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Q với bị đơn là ông Võ Tấn N1, bà Lê Thị N2 có nội dung: “*Không chứng nhận, không cho phép chuyển dịch quyền sở hữu, sử dụng, cầm cố, thế chấp nhà và đất khuôn viên tại số 151 ấp An Phú, xã An Phú, huyện Thủ Đức, cho đến khi có yêu cầu khác hoặc có quyết định của Tòa án*”;

- Tại Công văn số 2586/TDS ngày 30/11/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh gửi UBND Quận X (cũ), UBND phường An Phú (cũ), Công an phường An Phú (cũ), có nội dung đề nghị không cho, không chứng nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ số 151 đường Nguyễn Thị Định, phường An Phú, Quận 2;

- Tại “Bản tự khai” ngày 06/6/2007 với Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Tấn Q là nguyên đơn trong vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” trình bày: “... *phố có sẵn 6 căn*” (là vị trí nhà đất 04 hộ Ông Trang Văn S, địa chỉ 148 Nguyễn Thị Định; hộ ông Nguyễn Huỳnh Quang (đại diện đứng tên hồ sơ bà Huỳnh Thị Năm đã chết), địa chỉ 149 Nguyễn Thị Định;

hộ bà Võ Thị Hai, địa chỉ 150 Nguyễn Thị Định; hộ bà Quan Xiêu Dính, địa chỉ 150A Nguyễn Thị Định)”;

Do đó, có cơ sở xác định phần nhà đất mà UBND Quận X (cũ) thu hồi của Ông S, bà N là một phần đối tượng về tài sản mà ông Nguyễn Tấn Q có tranh chấp với các bị đơn là ông Võ Tấn N1, bà Lê Thị N2 trong vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”, được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý từ năm 1996 và chưa giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.3] Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định: “*Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất*”. Để cụ thể hóa quy định này, tại Điều 42 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo “Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” quy định: “*Trường hợp người có đất bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất của dự án không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt hoặc đang có khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất, nhà và tài sản khác (kể cả các trường hợp đồng quyền sử dụng đất) mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất, nhà và tài sản khác đang khiếu nại, tranh chấp sẽ được chuyển vào Kho bạc Nhà nước theo quy định chờ sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất, nhà, tài sản...bị thu hồi*”.

Như vậy, do có tranh chấp về thừa kế tài sản liên quan đến nhà đất số 148 đường Nguyễn Thị Định của Ông S, bà N, đã được Tòa án thụ lý vụ án dân sự nhưng chưa giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời do có đơn ngăn chặn của ông Nguyễn Tấn Q nên UBND thành phố T chưa làm thủ tục chi trả tiền bồi thường cho Ông S, bà N mà gửi số tiền vào Kho bạc Nhà nước là đúng quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 42 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh như đã viện dẫn ở trên.

Do ông Nguyễn Tấn Q đồng ý rút đơn ngăn chặn, ngày 26/7/2023, UBND phường An Phú có Công văn số 498/UBND về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong dự án nêu trên nên Ông S, bà N đã được chi trả tiền bồi thường.

[4.6]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét việc Ông S yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không thanh toán tiền lãi chậm trả của UBND thành phố T là trái quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu phải thanh toán số tiền chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của Ông Trang Văn S và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 259/2024/HCST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn S, cụ thể:

1.1. Bác yêu cầu tuyên bố hành vi không thanh toán tiền lãi chậm trả của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là trái quy định pháp luật;

1.2. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán số tiền lãi chậm trả từ ngày 16/9/2020 đến 20/9/2023 là 270.260.440 đồng.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Trang Văn S là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VP, 17b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Văn